

Nhận diện một “Việt Nam biển”

○ PGS.TS. NGUYỄN CHU HỒI

Trung tâm Nghiên cứu biển và Hải đảo
Đại học Quốc gia Hà Nội

Để đạt được mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 cần thực hiện phương thức quản lý tổng hợp biển theo không gian và bảo đảm được an ninh chủ quyền vùng biển. Hiện nay, phương thức quản lý tổng hợp biển theo không gian và công cụ quy hoạch không gian biển đang còn là những vấn đề mới mẻ đối với không chỉ các nhà khoa học và quy hoạch, mà còn đối với nhà quản lý và hoạch định chính sách của Việt Nam.

Nhận diện một “Việt Nam biển”

Trong những năm qua, dựa trên lợi thế về tài nguyên biển, Việt Nam đã đề ra những chủ trương, biện pháp quan trọng nhằm quản lý, bảo vệ, khai thác biển-vùng ven biển và đã đạt được những thành tựu cơ bản, quan trọng: Quy mô kinh tế biển và vùng ven biển tăng lên, cơ cấu ngành, nghề thay đổi cùng với sự xuất hiện các ngành kinh tế - dịch vụ mới như khai thác dầu khí, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn,... Vùng biển và ven biển có đóng góp lớn vào xuất khẩu. Bước đầu đã hình thành 15 khu kinh tế ven biển - là các trung tâm phát triển kinh tế hướng ra biển. Đây là những khu vực phát triển tổng hợp các ngành, nghề biển như hậu cần nghề cá, công nghiệp gắn với cảng biển và vận tải biển, du lịch biển, đô thị hóa và nghiên cứu khoa học về biển,... Đã có bước phát triển mới ở một số hải đảo, vai trò kinh tế của các đảo tăng lên rõ rệt. Hiện nay, trong 12 huyện đảo thì 66 đảo có dân sinh sống với tổng số trên 155 nghìn người, mật độ dân số trung bình trên các đảo là 95 người/km², kết cấu hạ tầng trên các đảo được tăng lên rõ rệt, hình thành hệ thống giao thông trên đảo, nhiều đảo gần

bờ có điện lưới, đảo xa bờ có máy phát điện, điện mặt trời và cơ sở cung cấp nước ngọt. Một số đảo sẽ phát triển thành những trung tâm kinh tế hướng biển như Vân Đồn, Cát Hải, Côn Đảo, Phú Quốc,...

Công tác điều tra cơ bản và quản lý TN&MT biển đã được quan tâm hơn. Đặc biệt, Việt Nam đã chú ý thực hiện các cam kết quốc tế và đẩy mạnh công tác bảo tồn biển. Hệ thống thể chế quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo từ trung ương xuống địa phương bước đầu đã được thiết lập. Hệ thống chính sách, pháp luật, các quy phạm về công tác điều tra tài nguyên, quản lý môi trường biển đã được xây dựng để phục vụ quản lý ngành.

Tiềm năng không gian biển

Khác với trên đất liền, không gian kinh tế biển rộng mở, khá đa dạng và luôn tác động tương hỗ nhau cả về mặt tự nhiên và phát triển theo các cấp độ khác nhau. Từ quan niệm như vậy sẽ thấy, tiềm năng không gian biển cho phát triển kinh tế biển nước ta còn rất lớn, tập trung vào các mảng không gian chính yếu: (1) không gian vùng ven biển (duyên hải), (2) không gian biển, (3) không gian đảo và (4) không gian đại

dương. Đối với kinh tế biển cả 04 mảng không gian này đều rất quan trọng vì nó cung cấp những tiền đề, tiềm năng và lợi thế khác nhau cho phát triển kinh tế biển.

Dải ven biển: Cần chú ý đến phát triển dịch vụ cảng “quá cảnh” đối với các nước hoặc vùng lãnh thổ không có biển lân cận nước ta và vùng nội địa rộng lớn của khu vực các nước ASEAN, cũng như các dịch vụ hàng hải và tìm kiếm cứu nạn trên Biển Đông. Điều này tạo ra tiền đề cho việc hoạch định một chiến lược kinh tế biển tầm cỡ gắn với một nền quốc phòng và an ninh trên biển vững chắc, phù hợp với xu thế phát triển của một quốc gia biển. Dải ven biển còn là “bàn đạp” tiến ra biển, là hậu phương hỗ trợ các hoạt động ở các vùng biển xa bờ thông qua các trung tâm kinh tế trên các hải đảo. Cho nên, dọc ven biển phải kiến tạo được các cực phát triển mạnh, hướng biển (các đô thị lớn và trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội,... ven biển) có bán kính ảnh hưởng rộng ra biển, có khả năng đối trọng với các cực phát triển lớn trong khu vực Biển Đông, và các hành lang/tam giác kinh tế tăng trưởng ven biển.

Hệ thống đảo: Xác định chức năng theo thể mạnh của từng đảo

hoặc cụm đảo và tiến hành quy hoạch/lập kế hoạch phát triển kinh tế hải đảo. Quy hoạch phát triển kinh tế hải đảo là cụ thể nhưng cần đặt trong tư duy tổng thể phát triển hệ thống đảo và từng vùng biển, cũng như phải nhìn cả ở góc độ địa kinh tế, địa chính trị và các vấn đề xã hội, với tính liên kết với dải ven biển, thậm chí phải tính đến tác động của biến đổi khí hậu. Đối với các cụm đảo nhỏ, đảo hoang sơ (không có dân) thì phát triển kinh tế đảo gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái biển đảo (bao gồm du lịch lặn)...Đối với các đảo/cụm đảo lớn, đông dân như Phú Quốc, Vân Đồn, Côn Đảo, Cát Bà, Lý Sơn...thì xây dựng thành các trung tâm kinh tế hải đảo toàn diện, có bán kính ảnh hưởng rộng ra vùng xung quanh và là những cực phát triển "tiếp nối" quan trọng với dải ven biển trong bình đồ tổ chức không gian biển.

Các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia: Nếu như trên đất liền khả năng canh tác chỉ đạt đến độ sâu khoảng 1,5m (đối với cây có củ), thì ở dưới biển con người có thể nuôi hải sản trong lồng đến độ sâu hơn 50m. Nhìn từ góc độ như vậy thì tiềm năng nuôi thủy sản ở biển nước ta còn khá lớn, nhưng xuất phát từ cần phải cao hơn mức hiện nay. Sắp tới có thể tận dụng không gian biển trong phạm vi các công trình giàn khoan dầu khí, các công trình biển khác để xúc tiến nuôi cá biển lồng bè. Bên cạnh đó, cần nắm vững đặc trưng của các "yếu tố đại dương" trong Biển Đông và quy luật ảnh hưởng của nó vào vùng biển thềm lục địa Việt Nam để tận dụng phát triển nghề đánh bắt một số loài đặc sản di cư theo mùa vào vùng biển nước ta, như cá Ngừ đại dương... Phát triển không gian

kinh tế biển phải gắn chặt với kinh tế hải đảo và các trung tâm kinh tế ở vùng ven biển.

Vùng biển ngoài quyền tài phán quốc gia: Trong bối cảnh nước ta đã chính thức bước vào "sân chơi quốc tế" thì cũng phải chuẩn bị đội hình và công nghệ để sớm tham gia hưởng lợi từ không gian đại dương, "lấy đại dương nuôi đất liền". Chính sách biển nước ta một mặt phải có tác động điều chỉnh hành vi phát triển của các ngành kinh tế biển, tạo ra một trật tự pháp lý ổn định trên vùng biển quốc gia, mặt khác phải hỗ trợ khả năng hội nhập quốc tế, trước hết phải phù hợp với tinh thần của Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển 1982.

Nhu cầu quy hoạch không gian biển

Như trên đã nói, trên bình đồ tổ chức không gian biển hiện nay đã có: ba vùng kinh tế trọng điểm quốc gia (2 tam giác kinh tế và một hành lang kinh tế), 15 khu kinh tế ven biển gắn với hệ thống cảng biển nước sâu, một số đảo bước đầu được xác định phát triển thành các trung tâm kinh tế hải đảo trong tương lai, cùng với các trung tâm du lịch ven biển,... Tuy nhiên, do đầu tư dàn trải nên vẫn chưa xác định rõ các cực phát triển "tiên phong" và thiếu các tuyến lực đủ mạnh ở ven biển để tọa mối liên kết vùng. Trong khi, dọc ven biển phía bắc vịnh Bắc Bộ và tỉnh Hải Nam thuộc Trung Quốc đã hình thành các cực phát triển rất mạnh, đặc biệt là đảo Hải Nam, với bán kính ảnh hưởng (dự kiến đến năm 2020) ra toàn vùng Biển Đông và các nước Bắc ASEAN. Ở phía nam, với chủ trương tăng cường hội nhập nội khối, ASEAN bắt đầu mở rộng và hoàn thiện hệ thống giao thương xuyên ASEAN để gia tăng ảnh hưởng vào khu vực Biển Đông,...

Trong bối cảnh như vậy, bên cạnh việc lựa chọn đầu tư cho một số trung tâm hướng biển mới, Việt Nam nên chú trọng tận dụng các đô thị lớn ven biển đã được thời gian thử thách theo mô hình "đô thị-cảng-biển" như: Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu,... Cần đầu tư cho các đô thị này cùng với một số trung tâm kinh tế hướng biển được chọn lựa để xây dựng không chỉ thành các *cực phát triển mạnh* ở dải ven biển mà còn là các *cực đối trọng chính* của các cực nói trên trong khu vực Biển Đông. Được như vậy thì đến năm 2020, các mảng không gian biển của nước ta sẽ trở thành một trong những khu vực biển phát triển năng động trên thế giới.

Trên cơ sở bình đồ tổ chức không gian biển - ven biển, cần tiến hành quy hoạch không gian cho từng khu vực biển, vùng ven biển và cụm đảo cụ thể. Thông qua tính toán đầy đủ các nguồn lực (nội lực, ngoại lực), đặc biệt là các giá trị sinh thái của vùng quy hoạch, xác định thế mạnh phát triển, hiện trạng khai thác, sử dụng vùng biển theo không gian và thời gian, quy hoạch không gian biển sẽ phân bổ không gian theo lộ trình thời gian cho các hoạt động của con người trong vùng quy hoạch để đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội và sinh thái.

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng không gian, cần tiến hành xác định "chế độ pháp lý" cho các mảng không gian phân chia cho các ngành, người sử dụng để bảo đảm mức độ tuân thủ quy hoạch cao nhất, để giảm thiểu mâu thuẫn lợi ích trong sử dụng đa ngành và tối ưu hóa lợi ích kinh tế trong khi vẫn bảo toàn được chức năng sinh thái và bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững ở vùng quy hoạch.■